

khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 04: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1.	Máy ép cọc lực ép tối thiểu 150T	01
2.	Ô tô tự đổ tải trọng hàng hóa tối thiểu 5 tấn	01
3.	Máy đào dung tích gầu $\geq 0,8m^3$	01
4.	Cầu có sức nâng tối thiểu 10T	01
5.	Phòng thí nghiệm xây dựng (LAS – XD) Trong đó có chức năng thực hiện được đầy đủ các thí nghiệm cho các công trình	01

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có): Không

3. Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng
I	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo yêu cầu của E-HSMT (không yêu cầu đối với vật tư, phụ kiện).	<p>- Nhà thầu phải kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản.</p> <p>- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalog của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá là thiết bị nội thất, thiết bị âm thanh, thiết bị PCCC. Các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, cam kết thông số kỹ thuật, hình ảnh minh hoạ.</p> <p>- Có hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh về hàng hóa, thiết bị theo đúng đề xuất và tiêu</p>

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		chuẩn kỹ thuật quy định đối với các loại hàng hóa, thiết bị.	
		<p>Nhà thầu không đáp ứng một trong các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa trên webfrom làm cơ sở đánh giá E-HSDT, bao gồm: Ký mã hiệu; Nhãn hiệu; Năm sản xuất; Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất); Hãng sản xuất; Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản. - Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các lĩnh vực, chủng loại thiết bị nội thất, thiết bị âm thanh, thiết bị PCCC. - Nhà thầu không có mô tả đặc tính, thông số kỹ thuật, không cam kết thông số kỹ thuật, hình ảnh minh họa đối với các lĩnh vực, chủng loại hàng hoá khác. - Không có hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh về hàng hóa, thiết bị theo đúng đề xuất và 	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		tiêu chuẩn kỹ thuật quy định đối với các loại hàng hóa, thiết bị.	
2	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	Có đầy đủ các giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế; có cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.	Đạt
		Không có hoặc thiếu giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa hợp lý; hoặc không cam kết cung đầy đủ công nhân lắp đặt thiết bị đáp ứng yêu cầu tiến độ gói thầu.	Không đạt
3	Thời gian bảo hành, bảo trì sau bảo hành.	- Nhà thầu trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Thời gian bảo hành từ 12 tháng trở lên và theo thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V và theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; bảo trì tối thiểu 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần).	Đạt
		- Nhà thầu không trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì. Hoặc - Thời gian bảo hành dưới 12 tháng hoặc dưới thời gian bảo hành yêu cầu tại Chương V hoặc theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất; hoặc bảo trì dưới 02 lần sau thời gian bảo hành (06 tháng một lần).	Không đạt
II	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công		
1	Hiểu biết về gói thầu và biện pháp tổ chức thi công tổng thể gói thầu		
1.1		Có am hiểu về gói thầu	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	<p>Hiểu biết về dự án và gói thầu: Trình bày được quy mô, phạm vi gói thầu; phân tích, đánh giá vị trí công trình, mặt bằng công trình; giao thông, các điều kiện tự nhiên khu vực của dự án, thuận lợi, khó khăn khi thi công.</p>	Không am hiểu về gói thầu	Không đạt
1.2	<p>* Trình bày công tác chuẩn bị công trường bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình tạm, máy móc, thiết bị thi công, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, giao thông, mặt bằng giải pháp cấp điện trong quá trình thi công đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu; - Khu vực lán trại: Ban chỉ huy công trường, khu vực tập kết vật tư, vật liệu, phòng thí nghiệm ... <p>Kèm bản vẽ bố trí mặt bằng tổ chức thi công hợp lý khả thi.</p> <p>* Trình bày hệ thống sơ đồ tổ chức của nhà thầu: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, chất lượng, vật tư, thiết bị an toàn, an ninh, môi trường</p>	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
1.3	Trình bày biện pháp thi công tổng thể của gói thầu: Trình bày đầy đủ các hạng mục chính phù hợp với tính chất của gói thầu	Có biện pháp khả thi phù hợp với tính chất gói thầu	Đạt
		Không có biện pháp khả thi	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
2	Biện pháp tổ chức thi công chi tiết các hạng mục công trình		
2.1	+ Thi công phá dỡ; Thi công nhà văn hóa Thụy Khuê, nhà văn hóa Năm Trại	Có giải pháp thuyết minh và bản vẽ đầy đủ, hợp lý, khả thi	Đạt
	+ Thi công các hạng mục phụ trợ: Nhà để xe, sân – công – tường rào- rãnh thoát nước, cấp điện, cấp nước.	Không có giải pháp thuyết minh và bản vẽ đầy đủ, hợp lý, khả thi	Không đạt
3	Khả năng cung cấp vật tư, vật liệu để thi công công trình		
3.1	Có danh mục kê khai rõ về nguồn gốc, nhãn hiệu hoặc nhóm nhãn hiệu các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại; chủng loại đáp ứng hồ sơ thiết kế: Xi măng các loại; Đá xây dựng các loại; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch các loại; Vật tư thiết bị điện; vật tư thiết bị cấp thoát nước; vật liệu chống thấm; Sơn các loại.	Có kê khai nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực.	Đạt
		Không kê khai rõ hoặc kê khai thiếu nguồn gốc, nhãn hiệu hoặc nhóm nhãn hiệu rõ ràng; hoặc không có Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng tương ứng còn hiệu lực;	Không đạt
3.2	Nhà thầu có cam kết cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định, kèm theo Hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp, pháp lý nhà cung cấp các loại vật tư, vật liệu, thiết bị chính: Xi măng các loại; Đá xây dựng các loại; Cát các loại; Sắt thép các loại; Gạch các loại; Vật tư thiết bị điện; vật tư thiết bị cấp thoát nước; vật liệu chống thấm; Sơn các loại.	<p>+ Trong trường hợp Nhà thầu là đơn vị cung cấp vật liệu: Cung cấp Hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất với tư cách là đơn vị bán hàng với đầy đủ các chủng loại vật tư, vật liệu theo yêu cầu của E-HSMT từ năm 2024 trở lại đây.</p> <p>+ Trong trường hợp Nhà thầu là nhà sản xuất: Cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất các chủng loại vật tư, vật liệu theo quy định.</p> <p>+ Trong trường hợp nhà thầu không phải là đơn vị trực tiếp cung cấp vật tư, vật liệu thì phải có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết của các nhà cung cấp (kèm theo giấy</p>	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		phép đăng ký kinh doanh của đơn vị)	
		Không có đầy đủ các tài liệu chứng minh khả năng cung cấp các loại vật tư theo yêu cầu trên.	Không đạt
II	Tiến độ thi công		
1	Thời gian hoàn thành công trình không quá 240 ngày , có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công. Tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công.	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 240 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. Hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Đạt
		Đề xuất thời gian thi công vượt quá 240 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết. Hoặc không có sự hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, không phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	Không đạt
2	Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị phù hợp với tiến độ thi công.	+ Bảng chia tiến độ thi công các hạng mục phải đầy đủ và phù hợp với thuyết minh thi công tổng thể công trình. Trình tự thi công các hạng mục công việc hợp lý, khả thi; + Biểu đồ huy động nhân lực theo thời gian thi công hợp lý, khả thi và phù hợp đề xuất của Nhà thầu; + Biểu đồ huy động Thiết bị theo thời gian thi công hợp lý, khả thi và phù hợp đề xuất của Nhà thầu;	Đạt
		Có ít nhất 01 nội dung ở trên không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
3		Có nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ	Đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ đảm bảo hoàn thành công trình theo đúng tiến độ.	thi công hợp lý, khả thi	
		Không nêu Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công hoặc có nêu nhưng biện pháp đưa ra không hợp lý, không khả thi	Không đạt
4	Công nhân trực tiếp tham gia thi công: Có cam kết huy động đủ số lượng công nhân phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã đề xuất trong quá trình triển khai thi công	Có cam kết huy động đủ số lượng công nhân phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã đề xuất trong quá trình triển khai thi công.	Đạt
		Không có cam kết huy động đủ số lượng công nhân phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã đề xuất trong quá trình triển khai thi công.	Không đạt
III	Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường		
1	Trình bày biện pháp quản lý dự án phù hợp tính chất của gói thầu	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
2	Trình bày biện pháp tổ chức quản lý hiện trường phù hợp tính chất của gói thầu	Trình bày đầy đủ, đáp ứng các nội dung yêu cầu	Đạt
		Trình bày không đầy đủ, không đáp ứng các nội dung yêu cầu	Không đạt
IV	Các biện pháp đảm bảo chất lượng		
1	Lập hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận thi công	Có hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu hệ thống quản lý chất lượng rõ ràng	Không đạt
2	Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng vật tư, vật liệu, thiết bị, công nghệ thi công trước và trong quá trình thi công theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
3	Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng cho từng công tác thi công chính của gói thầu	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt
4	Biện pháp, quy trình quản lý chất lượng thi công: chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu; lập phiếu yêu cầu nghiệm thu, nghiệm thu công việc, giai đoạn thi công; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; lập bản vẽ hoàn công	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt
V	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông		
1	Bảo vệ môi trường: Các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế và giảm thiểu đến môi trường xung quanh trong quá trình thi công.	Có biện pháp rõ ràng	Đạt
		Không có hoặc thiếu biện pháp rõ ràng	Không đạt
2	Phòng chống cháy nổ: Các giải pháp cụ thể cho từng công việc xây lắp, khu vực để vật tư, thiết bị	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có hoặc nêu không đầy đủ giải pháp cụ thể	Không đạt
3	An toàn lao động, an toàn về điện: lập kế hoạch tổng hợp về an toàn theo yêu cầu tại Chương V - Yêu cầu về xây lắp	Có giải pháp cụ thể	Đạt
		Không có hoặc nêu không đầy đủ giải pháp cụ thể	Không đạt
VI	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành		
1	Có cam kết bằng văn bản và đề xuất giải pháp bảo hành, bảo trì công trình sau khi đưa vào sử dụng theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước (bảo hành ít nhất trong 12 tháng).	Có giải pháp cụ thể, thời gian bảo hành đáp ứng yêu cầu; có cam kết bằng văn bản	Đạt
		Không có giải pháp cụ thể hoặc thời gian bảo hành < 12 tháng hoặc không có cam kết bằng văn bản hoặc cam kết không đúng.	Không đạt

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
VII	Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu		
	Uy tín của nhà thầu trong vòng 05 năm trở lại đây (tính từ năm 2021): Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của	Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Tất cả hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện và Có Bản cam kết hợp lệ kèm theo đáp ứng yêu cầu.	Đạt
1	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Nhà thầu phải có văn bản cam kết với chủ đầu tư về nội dung này. (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này).	Nhà thầu Không có hợp đồng trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện hoặc nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Hoặc Không có Bản cam kết hợp lệ kèm theo đáp ứng yêu cầu.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

- Trường hợp Mục 13.8 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) Chương IV thì xác định giá dự thầu;

- Trường hợp Mục 13.8 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.2 (11.2A hoặc 11.2B hoặc 11.2C hoặc 11.1D) Chương IV thì xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT của hàng hóa;

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu (theo Bước 1 khoản này) sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu (theo Bước 1 khoản này) sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không